

Số: 98 /HD-ĐHTB

Sơn La, ngày 12 tháng 01 năm 2026

HƯỚNG DẪN

Quy trình đánh giá kết quả điểm rèn luyện cho sinh viên đại học trên hệ thống đại học số Trường Đại học Tây Bắc

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG HƯỚNG DẪN

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-ĐHTB ngày 06/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-ĐHTB ngày 21/02/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1335/QĐ-ĐHTB ngày 27/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc về việc ban hành mẫu phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ-ĐHTB ngày 27/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc về việc ban hành Quy chế đánh giá điểm rèn luyện đối với người học được đào tạo trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy Trường Đại học Tây Bắc;

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá mức độ rèn luyện, ý thức học tập, chấp hành quy chế, tham gia hoạt động chính trị - xã hội của sinh viên;

- Làm căn cứ xét học bổng, khen thưởng, kỷ luật, xét danh hiệu thi đua và các chế độ, chính sách đối với sinh viên;

- Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên Trường Đại học Tây Bắc.

2. Yêu cầu

- Đánh giá khách quan, công bằng, công khai, minh bạch;
- Đúng quy trình, đúng thời gian quy định;
- Có sự tham gia của sinh viên, tập thể lớp, cố vấn học tập và các đơn vị liên quan.

III. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN ĐÁNH GIÁ

1. Đối tượng

Sinh viên, lưu học sinh Lào hệ chính quy; sinh viên hệ vừa làm vừa học Trường Đại học Tây Bắc.

2. Thời gian đánh giá

- Đánh giá theo học kỳ, năm học và toàn khóa;
- Thời gian cụ thể do Phòng Công tác chính trị - Quản lý người học tham mưu thông báo trong từng năm học.

IV. NỘI DUNG VÀ THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

Tổng điểm rèn luyện tối đa: **100 điểm**, bao gồm 05 nội dung chính:

1. Đánh giá về ý thức tham gia học tập và kết quả học tập (**tối đa 20 điểm**);
2. Đánh giá về ý thức và chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường (**tối đa 25 điểm**);
3. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (**tối đa 20 điểm**);
4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng (**tối đa 25 điểm**);
5. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên (**tối đa 10 điểm**).

Chi tiết tiêu chí, mức điểm thực hiện theo Phiếu đánh giá điểm rèn luyện sinh viên do Trường ban hành và đăng tải trên hệ thống đại học số Trường Đại học Tây Bắc.

V. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC TRÊN HỆ THỐNG ĐẠI HỌC SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Quy trình đánh giá điểm rèn luyện cho sinh viên được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1. Đối với phòng CTCT-QLNH

- Phòng CTCT-QLNH tham mưu ban hành Thông báo đánh giá điểm rèn luyện cho sinh viên.

- Phòng CTCT-QLNH tạo lập thời gian nhập điểm rèn luyện của học kỳ cho sinh viên trên cổng thông tin sinh viên.

QUẢN TRỊ | **QUẢN LÝ THỜI GIAN**

Hệ: -- Chọn hệ -- | Khoa: -- Chọn khoa --
 Khoa: -- Chọn khoa -- | Chuyên ngành: -- Chọn chuyên ngành --
 Lớp: -- Chọn lớp --
 Học kỳ: -- Chọn học kỳ -- | Năm học: -- Chọn năm học --
 Từ ngày: dd/mm/yyyy | Đến ngày: dd/mm/yyyy

Tên hệ	Tên khoa	Khóa học	Chuyên ngành	Lớp	Học kỳ	Năm học	Từ ngày	Đến ngày
Đại học (Vừa làm vừa học)	Khoa Khoa học Tự nhiên - Công nghệ	2025	Su phạm Tin học	K56 ĐHSP Tin học	1	2025-2026	01/01/2025	15/02/2026
Đại học (Vừa làm vừa học)	Khoa Khoa học Tự nhiên - Công nghệ	2025	Su phạm Vật lý	K56 ĐHSP Vật lý	1	2025-2026	01/01/2025	15/02/2026
Đại học (Vừa làm vừa học)	Khoa Cơ sở	2025	Su phạm Tiếng Anh	K66 ĐHSP Tiếng Anh	1	2025-2026	01/01/2025	15/02/2026
Đại học (Vừa làm vừa học)	Khoa Khoa học Tự nhiên - Công nghệ	2025	Su phạm Sinh học	K56 ĐHSP Sinh học	1	2025-2026	01/01/2025	15/02/2026
Đại học (Vừa làm vừa học)	Khoa Khoa học Xã hội	2025	Su phạm Ngữ văn	K55 ĐHSP Ngữ văn	1	2025-2026	01/01/2025	15/02/2026
Đại học (Vừa làm vừa học)	Khoa Khoa học Xã hội	2025	Su phạm Lịch sử	K56 ĐHSP Lịch sử	1	2025-2026	01/01/2025	15/02/2026
Liên thông đại học chính quy	Khoa Cơ sở	2025	Su phạm Tiếng Anh	K54-LT ĐHSP Tiếng Anh	1	2025-2026	01/01/2025	15/02/2026
Đại học (Vừa làm vừa học)	Khoa Khoa học Xã hội	2025	Su phạm Địa lý	K56 ĐHSP Địa lý	1	2025-2026	01/01/2025	15/02/2026
Liên thông đại học chính quy	Khoa Nông - Lâm	2025	Chăn nuôi	K54-LT ĐH Chăn nuôi	1	2025-2026	01/01/2025	15/02/2026

- Phòng CTCT-QLNH tạo lập thời gian xét điểm rèn luyện cho sinh viên đối với cố vấn học tập và ban chủ nhiệm khoa trên cổng thông tin giảng viên.

PHẦN MỀM QUẢN LÝ ĐẠI HỌC SỐ ESSOFT | **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC CÔNG THÔNG TIN GIẢNG VIÊN**

GIẢNG VIÊN | QUẢN LÝ | DUYỆT ĐỀ XUẤT ĐĂNG KÝ | NHẬT KÝ | KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ | **DANH MỤC** | LỊCH CÔNG TÁC TUẦN

Hiện thị: Xem toàn học kỳ | Học kỳ: 2 | Năm học: 2025-2026 | Đợt: 1 - Học kỳ I (ĐH Chính quy)

Mã HP	Tên học phần	Tên lớp học phần	Lớp	Số sv	Thứ	Tiết học	Giảng viên	Ngày học
PRI2037	Âm nhạc	PRI2037_K66 ĐH Giáo dục Tiểu học (A)	K66 ĐH Giáo dục Tiểu học (A)	64	4	3 - 4	ducta - Trần Anh Đức	19/04/2026 - 10/06/2026
					6	4 - 5	ducta - Trần Anh Đức	21/05/2026 - 12/06/2026
PRI2037	Âm nhạc	PRI2037_K66 ĐH Giáo dục Tiểu học (B)	K66 ĐH Giáo dục Tiểu học (B), K66 ĐH Giáo dục Tiểu học (D)	65	2	1 - 2	ducta - Trần Anh Đức	17/04/2026 - 08/06/2026
					3	1 - 2	ducta - Trần Anh Đức	18/04/2026 - 09/06/2026
PRI2037	Âm nhạc	PRI2037_K66 ĐH Giáo dục Tiểu học (C)	K66 ĐH Giáo dục Tiểu học (C)	62	2	2 - 3	congvv - Vũ Văn Cường	27/04/2026 - 08/06/2026
					3	3 - 4	congvv - Vũ Văn Cường	28/04/2026 - 09/06/2026

PHẦN MỀM QUẢN LÝ ĐẠI HỌC SỐ ESSOFT | **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC CÔNG THÔNG TIN GIẢNG VIÊN**

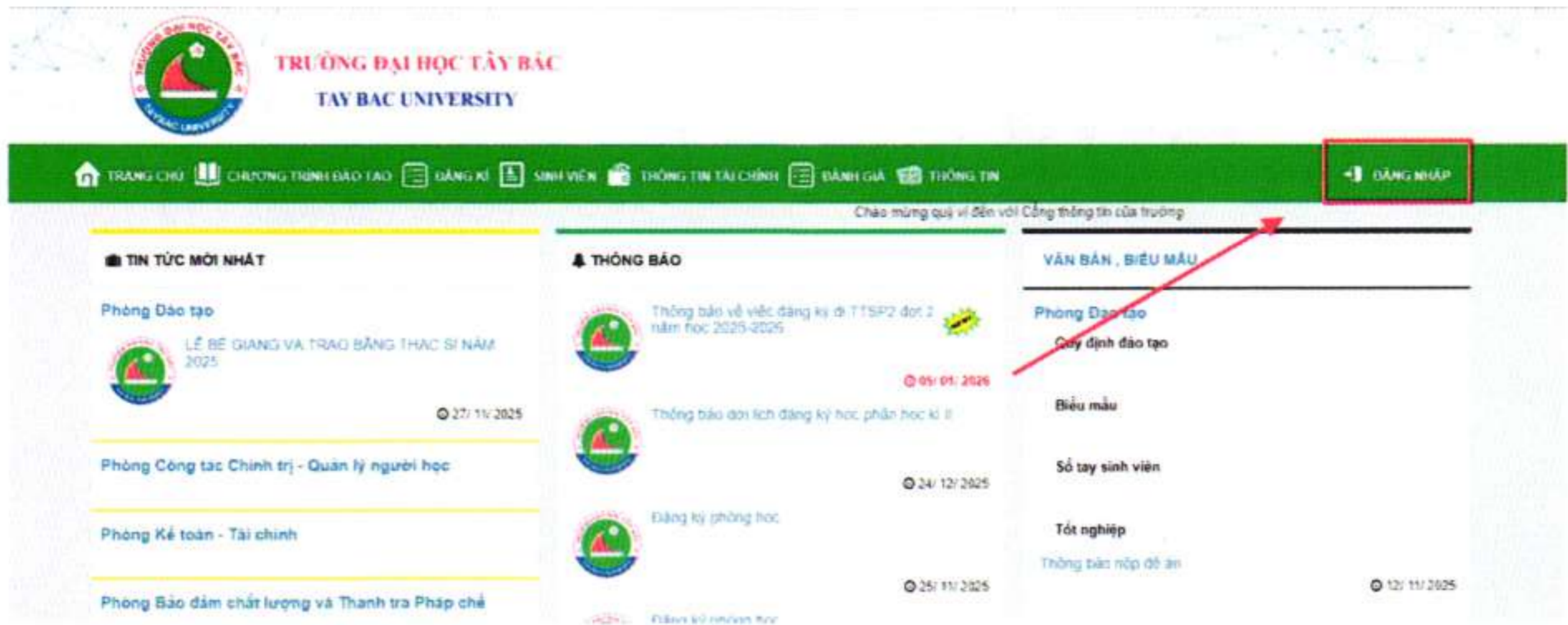
GIẢNG VIÊN | QUẢN LÝ | DUYỆT ĐỀ XUẤT ĐĂNG KÝ | NHẬT KÝ | KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ | **DANH MỤC** | LỊCH CÔNG TÁC TUẦN

Học kỳ	Năm học	Từ ngày	Đến ngày	#
1	2025-2026	24/12/2025	11/01/2026	<input type="button" value="T"/> <input type="button" value="X"/>
1	2023-2024	08/10/2024	13/11/2024	<input type="button" value="T"/> <input type="button" value="X"/>
2	2023-2024	07/10/2024	10/11/2024	<input type="button" value="T"/> <input type="button" value="X"/>

Bước 2. Đối với sinh viên

- Sinh viên vào **cổng thông tin sinh viên** để nhập điểm rèn luyện của cá nhân theo trình tự sau:

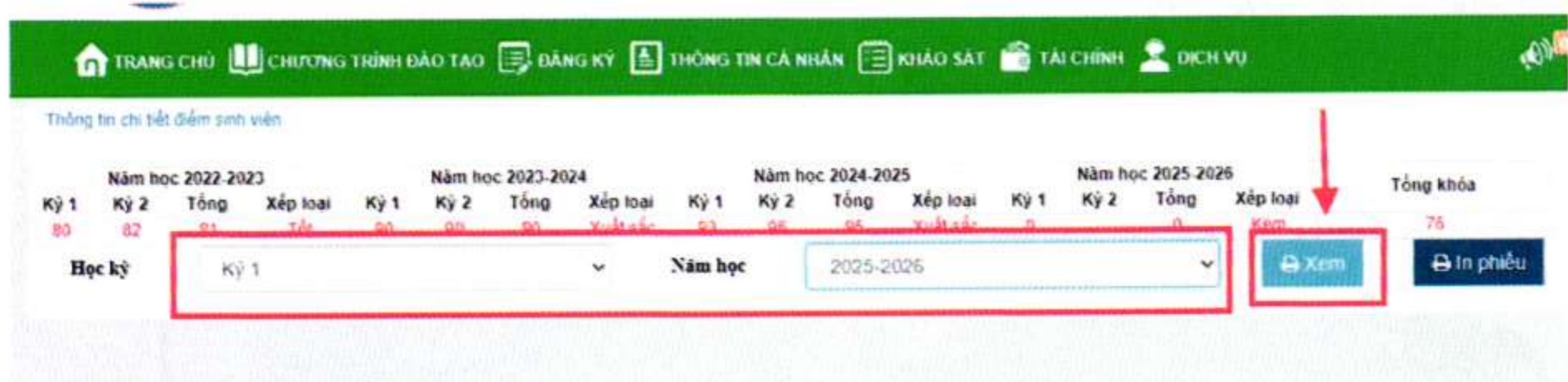
+ **Đăng nhập** cổng thông tin sinh viên.



+ Chọn **mục thông tin cá nhân**, chọn tiếp **mục điểm rèn luyện**.



+ Chọn **học kỳ, năm học** tương ứng và ấn **XEM**.



+ **Nhập điểm** đánh giá rèn luyện cho từng tiêu chí tương ứng với điểm số đạt được, sau đó ấn **LƯU ĐIỂM**.

STT	Mô tả	Điểm	STT	Mô tả	Điểm	Điểm
16	4.3. Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, bạn bè, cứu giúp người khó khăn, hoạn nạn được công nhận và biểu dương. + 4 Điểm	0	15	Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, bạn bè, cứu giúp người khó khăn, hoạn nạn được công nhận và biểu dương. + 4 Điểm	4	4
17			16	Tham gia hiện mầu nhân đạo. + 4 Điểm	4	0
18			17	Là tổ trưởng, tổ phó, cán sự miễn, ủy viên BCH chi Đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. + 2 Điểm	2	0
19	5. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể tổ chức trong Nhà trường đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên	5	17	Là Phó Bí thư liên chi Đoàn, UVBCH Đoàn trường, lớp trưởng, lớp phó, bí thư, phó bí thư chi Đoàn và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. + 3 Điểm	3	3
20			17	Là Phó Bí thư Đoàn trường, Phó Chủ tịch Hội sinh viên Trường và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. + 5Điểm	5	
21		10	17	Nếu hoạt động kém hiệu quả hoặc không gương mẫu không được công điểm	0	
22			18	Được cấp khen khen (có giấy chứng nhận hoặc giấy khen)	1	
23	5.2. Có thành tích vượt bậc trong hoạt động công tác Đoàn, Hội Sinh viên và các công tác khác của Nhà trường	5	18	Được các tổ chức của Trường khen thưởng hoặc chứng nhận	3	3
24			19	Được các tổ chức cấp trên cao hơn khen thưởng hoặc chứng nhận	5	
TỔNG ĐIỂM					94	5

→ **Đã Lưu điểm**

Bước 3. Đối với Cố vấn học tập

- Cố vấn học tập (CVHT) **đăng nhập vào cổng thông tin giảng viên.**
- Chọn **mục giảng viên**, chọn **mục giáo viên chủ nhiệm**, chọn **mục nhập điểm rèn luyện.**

Thứ	Tiết học	Giảng viên	Tên phòng	Tuần dạy	Ngày học
4	3 - 4	ducta - Trần Anh Đức	B411	36-42	29/04/2026 - 1
6	4 - 5	ducta - Trần Anh Đức	B411	36-42	01/05/2026 - 1
2	1 - 2	ducta - Trần Anh Đức	B412	36-42	27/04/2026 - C
		ta - Trần Anh Đức	B412	36-42	28/04/2026 - C
		pvv - Vũ Văn Cường	B401	36-42	27/04/2026 - C
		lvngvv - Vũ Văn Cường	B401	36-42	28/04/2026 - C
2	3 - 4	ducta - Trần Anh Đức	B401	28-34	02/03/2026 - 1
4	3 - 4	ducta - Trần Anh Đức	B311	24-24	04/02/2026 - C
6	3 - 4	ducta - Trần Anh Đức	B311	24-24	06/02/2026 - C
6	3 - 4	ducta - Trần Anh Đức	B401	28-33	06/03/2026 - 1

- Chọn **học kỳ, năm học, hệ** (Đại học chính quy 2022), **khóa** (tương ứng với năm tuyển sinh), **ngành, lớp** rồi ấn **TÌM KIẾM**.

- CVHT có 02 cách đánh giá điểm rèn luyện cho sinh viên:

+ Cách thứ nhất: Chọn chức năng **sao chép điểm từ sinh viên**, sau đó đánh giá lại điểm cho sinh viên đạt được theo đúng thực tế.

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Trạng thái	Điểm SV đánh giá	Điểm GV đánh giá	Điểm Khoa đánh giá	Ghi chú giảng viên
1	2022A0940	Giông Thị Lan Anh	25/09/2004	Đang học	85.5	85		
2	2022A0943	Khoảng Thị ánh	14/10/2004	Đang học		82		
3	2022A0946	Lương Hồng Bích	02/01/2004	Đang học	87	87		
4	2022A0949	Giông Thị Cam	07/11/2003	Đang học	88	88		
5	2022A0952	Hà Phương Chi	01/04/2004	Đang học	86	86		
6	2022A0955	Tông Thị Linh CM	09/11/2004	Đang học	88	88		
7	2022A0958	Diêu Thị Dân	02/09/2004	Đang học		88		

+ Cách thứ 2: Đánh giá trực tiếp cho từng sinh viên theo đúng thực tế đạt được.

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Trạng thái	Điểm SV đánh giá	Điểm GV đánh giá	Điểm Khoa đánh giá	Ghi chú giảng viên
1	2022A0940	Giông Thị Lan Anh	25/09/2004	Đang học	85.5	85		
2	2022A0943	Khoảng Thị ánh	14/10/2004	Đang học		82		
3	2022A0946	Lương Hồng Bích	02/01/2004	Đang học	87	87		
4	2022A0949	Giông Thị Cam	07/11/2003	Đang học	88	88		
5	2022A0952	Hà Phương Chi	01/04/2004	Đang học	86	86		
6	2022A0955	Tông Thị Linh CM	09/11/2004	Đang học	88	88		
7	2022A0958	Diêu Thị Dân	02/09/2004	Đang học		88		

- Chọn nút **giảng viên đánh giá** (tương đương với LƯU), sau đó chọn nút **giảng viên khóa**.

71	2022A1290	Cà Thị Xen	18/10/2004	Đang học		80		
72	2022A1290	Cà Thị Xen	18/10/2004	Đang học		80		
73	2022A1144	Hoàng Hải Yến	01/12/2004	Đang học	87	87		
74	2022A1147	Lý Thị Yến	05/05/2004	Đang học		89		

Bước 4. Đối với Lãnh đạo Khoa

- Lãnh đạo Khoa đăng nhập vào **cổng thông tin giảng viên**.
- Chọn **mục giảng viên**, chọn **mục giáo viên chủ nhiệm**, chọn **mục nhập điểm rèn luyện**.

- Chọn học kỳ, năm học, hệ (Đại học chính quy 2022), khóa (tương ứng với năm tuyển sinh), ngành, lớp rồi ấn **TÌM KIẾM**.

- Lãnh đạo khoa có 02 cách đánh giá điểm rèn luyện cho sinh viên:

+ Cách thứ nhất: Chọn chức năng **sao chép điểm từ giảng viên**, sau đó đánh giá lại điểm số cho sinh viên đạt được theo đúng thực tế.

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Trạng thái	Điểm SV đánh giá	Điểm GV đánh giá	Điểm Khoa đánh giá	Ghi chú giảng viên
1	2022A0940	Giàng Thị Lan Anh	25/09/2004	Đang học	85.5	85		
2	2022A0943	Khoàng Thị Ánh	14/10/2004	Đang học		82		
3	2022A0946	Lương Hồng Bích	02/01/2004	Đang học	87	87		
4	2022A0949	Giàng Thị Cam	07/11/2003	Đang học	88	88		
5	2022A0952	Hà Phương Chi	01/04/2004	Đang học	86	86		
6	2022A0955	Tông Thị Linh Chi	09/11/2004	Đang học	88	88		
7	2022A0958	Đào Thị Đan	02/09/2004	Đang học		80		

+ Cách thứ 2: Đánh giá trực tiếp cho từng sinh viên theo đúng thực tế đạt được.

Học kỳ: 1 Năm học: 2025-2026 Trường: Tất cả

Mã: Đại học chính quy (2022) Khóa: 2022 Ngành: K63 DH Giáo dục Mầm non Lớp: K63 DHGD Mầm non (D)

Thời gian nhập điểm từ 24/12/2025 đến 11/01/2026

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Trạng thái	Điểm SV đánh giá	Điểm GV đánh giá	Điểm Khoa đánh giá	Ghi chú giảng viên
1	2022A0940	Giàng Thị Lan Anh	25/09/2004	Đang học	85.5	85		
2	2022A0943	Khoàng Thị Ánh	14/10/2004	Đang học		82		
3	2022A0946	Lương Hồng Bích	02/01/2004	Đang học	87	87		
4	2022A0949	Giàng Thị Cam	07/11/2003	Đang học	88	88		
5	2022A0952	Hồ Phương Chi	01/04/2004	Đang học	86	86		
6	2022A0955	Tông Thị Linh Chi	09/11/2004	Đang học	88	88		
7	2022A0958	Điền Thị Dân	02/09/2004	Đang học		88		

- Chọn nút **khoa đánh giá** (tương đương với LUU) sau đó chọn nút **khoa khóa**.

72	2022A1290	Cà Thị Xen	18/10/2004	Đang học		80		
73	2022A1144	Hoàng Hải Yến	01/12/2004	Đang học	87	87		
74	2022A1147	Lý Thị Yến	05/05/2004	Đang học		89		

Bước 5. Đối với Phòng CTCT-QLNH

- Chuyên viên phụ trách đánh giá điểm rèn luyện cho sinh viên: **Đăng nhập phần mềm quản lý sinh viên.**

- Chọn **mục tổng hợp điểm rèn luyện** (học kỳ, năm học, toàn khóa) tương ứng.



- Chọn **Thông tin lọc** và chọn đối tượng sinh viên.

Học kỳ: 1 Năm học: 2025-2026 Sinh viên: Tất cả

Danh sách lớp: LHM1 Cao đẳng chính quy, LHM1 Cao học, LHM1 Đại học, H1 Đại học, H1 Đại học (Lên kết Đại học), H1 Đại học (Vừa làm vừa học), H1 Đại học chính quy, H1 Đại học chính quy, H1 Đại học chính quy (2022), Khóa 2022, C Ngành K63 DH Báo vệ thực vật, C Ngành K63 DH Chăm sóc, C Ngành K63 DH Công nghệ thông tin, C Ngành K63 DH Giáo dục Chính trị, C Ngành K63 DH Giáo dục Mầm non, C Ngành K63 DH Giáo dục Thể chất, C Ngành K63 DH Giáo dục Tiểu học, K63 DHGD Tiểu học (A), K63 DHGD Tiểu học (B), K63 DHGD Tiểu học (C), K63 DHGD Tiểu học (D), K63 DHGD Tiểu học (E), K63 DHGD Tiểu học: Liên thông Sư CĐT, C Ngành K63 DH Kế toán, C Ngành K63 DH Luật kinh.

Danh sách sinh viên

Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Điểm	Điểm quy đổi	Xếp loại
2022A0104	Vũ Mai Anh	15/04/2004	85	0.89	Tốt
2022A1151	Lương Thị Ánh	17/11/2004	88	0.88	Tốt
2022A0109	Đinh Quốc Bảo	25/04/2004	87	0.87	Tốt
2022A0114	Sung A Bình	29/01/2003	85	0.85	Tốt
2022A0124	Hà Ngọc Chiêm	22/06/2004	85	0.89	Tốt
2022A0129	Nguyễn Hương Chi	30/08/2004	85	0.89	Tốt
2022A0134	Lương Văn Chung	07/04/2004	83	0.83	Tốt
2022A0118	Phạm Thị Cờ	10/10/2004	84	0.84	Tốt
2022A0159	Vũ Trung Đình	18/12/2004	85	0.85	Tốt
2022A0144	Vàng A Dã	05/02/2003	85	0.85	Tốt

- Xuất Excel.

- Trình Hội đồng đánh giá kết quả điểm rèn luyện, ký ban hành.

Hướng dẫn có hiệu lực kể từ ngày ký, các vấn đề phát sinh sau khi ban hành Hướng dẫn, Phòng CTCT - QLNH có trách nhiệm nghiên cứu và tiếp tục tham mưu với lãnh đạo nhà trường để bổ sung hoặc ban hành hướng dẫn mới./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị (để thực hiện);
- Website Trường, phòng CTCT-QLNH;
- Lưu VT, CTCT - QLNH (3b).



TS. Nguyễn Văn Định